

ẢNH HƯỞNG CỦA KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẾN HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: TRƯỜNG HỢP NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG

Lê Minh Hằng

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: minhhang.bolt@bdu.edu.vn

Article history

Received: 18/12/2024

Accepted: 16/01/2025

Published: 20/02/2025

Keywords

AUN-QA, internal quality accreditation, quality assurance, external accreditation, English language program

ABSTRACT

Implementing quality accreditation in accordance with regulations helps to build an effective quality assurance system for training programs, promote continuous improvement, ensure their compatibility with the labor market and enhance the position of educational institutions. This article studies the impact of educational quality accreditation on the quality assurance system of the English Language program at Binh Duong University through semi-structured interviews, expert methods with support of SPSS 25.0 software in data processing. The research results show that there are 4 factors affecting the quality assurance system: School policies, internal quality assurance requirements, external accreditation, and accreditation results. This study is meaningful in identifying factors affecting the quality assurance system of the English Language program, thereby helping Binh Duong University to develop appropriate policies to improve training quality and meet accreditation requirements.

1. Mở đầu

Chất lượng đào tạo là sản phẩm đào tạo đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra mà các trường đã đưa ra, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội, là yếu tố then chốt đảm bảo sự tồn tại và phát triển của các cơ sở giáo dục đại học, đồng thời là nền tảng xây dựng uy tín và thương hiệu (Trần Nam Trung, 2020). Việc đảm bảo chất lượng (ĐBCL) đào tạo cần thực hiện liên tục nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao. Hệ thống ĐBCL của giáo dục đại học bao gồm ĐBCL bên trong và bên ngoài. ĐBCL bên trong do chính cơ sở giáo dục đại học chủ động thực hiện, trong khi ĐBCL bên ngoài đóng vai trò hỗ trợ, tạo áp lực để các cơ sở cải tiến chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường lao động.

Kiểm định chất lượng (KDCL) giáo dục không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là chiến lược quan trọng để các cơ sở giáo dục đại học nâng cao uy tín và vị thế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao từ người học và các bên liên quan trong bối cảnh hội nhập quốc tế quá trình KDCL giáo dục tác động trực tiếp đến hệ thống ĐBCL, giúp cải tiến nội dung đào tạo, đảm bảo tính tương thích với thị trường lao động, đồng thời tạo sự phát triển bền vững cho các chương trình đào tạo. Trường Đại học Bình Dương là một trong những trường đã hoàn thành công tác kiểm định chương trình đào tạo của 3 ngành: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng và Ngôn ngữ Anh vào tháng 12/2022. Dựa vào kết quả của Hội đồng đánh giá ngoài, Trường Đại học Bình Dương đã nhận diện được những lĩnh vực cần cải tiến nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo của Nhà trường. Đặc biệt ngành Ngôn ngữ Anh đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài nhằm phát huy điểm mạnh cũng như khắc phục và cải tiến những khó khăn, hạn chế. Do vậy để đánh giá việc KDCL giáo dục ảnh hưởng như thế nào đến hệ thống bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo là cần thiết cho sự phát triển của cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào được thực hiện tại Trường Đại học Bình Dương. Vì vậy, nghiên cứu về ảnh hưởng của KDCL giáo dục đến hệ thống ĐBCL chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Bình Dương là cần thiết để thúc đẩy phát triển chất lượng giáo dục.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Kiểm định chất lượng giáo dục và hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

KDCL giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các cơ sở giáo dục đáp ứng các tiêu chuẩn quy định. KDCL giáo dục là hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành (Quốc hội, 2019). KDCL giáo dục là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác (Bộ GD-ĐT, 2012).

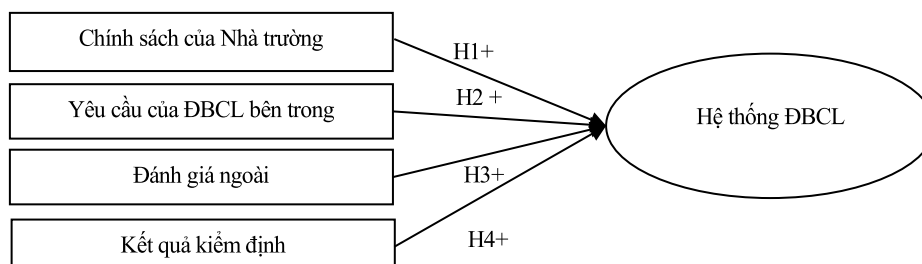
Theo Wilger (1997), ĐBCL là một quá trình phức hợp, qua đó, trường đại học đảm bảo rằng chất lượng của các quy trình giáo dục được duy trì theo những tiêu chuẩn đã đề ra. Thông qua các hoạt động ĐBCL, trường đại học có thể làm hài lòng chính nhà trường, sinh viên (SV) và những đối tượng khác ngoài nhà trường. Trong giáo dục đại học, ĐBCL được xác định như các hệ thống, chính sách, thủ tục, quy trình, hành động và thái độ được xác định từ trước nhằm đạt được, duy trì, giám sát và củng cố chất lượng giáo dục ở mức chuẩn cho phép nhất định và tìm ra những giải pháp không ngừng nâng cao và ĐBCL giáo dục (Nguyễn Thị Khánh Trinh, 2018).

Các cơ sở giáo dục đại học là nơi cung cấp nguồn lao động chất lượng cao cho công nghiệp và xã hội. Chất lượng đào tạo đã và đang được các nhà tuyển dụng và xã hội đặc biệt quan tâm. KĐCL chính là công cụ hữu hiệu quyết định đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục (Phạm Thanh Huyền và cộng sự, 2022). Để giám sát và nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học, hệ thống ĐBCL giáo dục đại học đã được xây dựng với những quy định cụ thể. Hệ thống KĐCL giáo dục đại học đáp ứng các nguyên tắc độc lập, khách quan. Hệ thống ĐBCL giáo dục đại học bao gồm hệ thống ĐBCL bên trong và hệ thống ĐBCL bên ngoài thông qua cơ chế KĐCL giáo dục đại học. Kết quả KĐCL giáo dục đại học được sử dụng làm một trong các tiêu chí để phân tầng và xếp hạng cơ sở giáo dục đại học; làm căn cứ để xác định chất lượng giáo dục đại học vị thế và uy tín của cơ sở giáo dục đại học; thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; hỗ trợ đầu tư, giao nhiệm vụ; là căn cứ để Nhà nước và xã hội giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục đại học (Vũ Thị Ngọc Bích, 2024).

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Thông qua việc nghiên cứu các hệ thống ĐBCL nội bộ (IQA) tiêu biểu và các công trình liên quan như Nguyễn Hữu Cường (2017), Nguyễn Quang Vinh (2020), Nguyễn Hữu Cường và cộng sự (2021), Lê Lâm và cộng sự (2023), có thể thấy rằng bất kể sử dụng mô hình nghiên cứu nào, vai trò cốt lõi của hệ thống ĐBCL chương trình đào tạo vẫn là tận dụng tối đa các nguồn lực nội tại của cơ sở giáo dục, bao gồm nhân sự, thông tin và cơ sở vật chất, nhằm thiết lập, duy trì và không ngừng cải tiến chất lượng. Hệ thống này hướng đến việc đạt được và duy trì các tiêu chuẩn liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, học tập và phục vụ xã hội. Đặc biệt, ĐBCL chương trình đào tạo tập trung vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý. Theo đó, ĐBCL chương trình đào tạo yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học xây dựng chính sách và cơ chế rõ ràng, đảm bảo rằng mọi hoạt động đều đáp ứng mục tiêu và tiêu chuẩn đặt ra. Hệ thống này dựa trên những nguyên tắc cốt lõi bao gồm việc xác định mục tiêu ĐBCL, tiến hành các hoạt động đánh giá thường xuyên, thiết lập quy trình rõ ràng và có bộ phận hỗ trợ chuyên trách theo dõi, đánh giá.

Từ lý thuyết về hệ thống ĐBCL chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 3.0, 2015) và các yêu cầu cốt lõi của tiêu chuẩn 9 trong Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 do Bộ GD-ĐT ban hành (Bộ GD-ĐT, 2017), tác giả đề xuất khung lý thuyết cho hệ thống ĐBCL chương trình đào tạo. Đồng thời, khung lý thuyết này cũng tích hợp các mốc tham chiếu được nêu trong Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 (Cục Quản lý Chất lượng - Bộ GD-ĐT, 2018) hướng dẫn thực hiện Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT về KĐCL các cơ sở giáo dục đại học.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất (Nguồn: Đề xuất của tác giả)

Từ cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 4 yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống ĐBCL chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Bình Dương gồm: *Chính sách của nhà trường, yêu cầu của ĐBCL bên trong, đánh giá ngoài, kết quả kiểm định*. Biến phụ thuộc là hệ thống ĐBCL chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Bình Dương.

2.3. Khảo sát sự ảnh hưởng của kiểm định chất lượng giáo dục đến hệ thống đảm bảo chất lượng ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Bình Dương

2.3.1. Khái quát khảo sát

Nghiên cứu này khảo sát sự ảnh hưởng của KĐCL giáo dục đến hệ thống ĐBCL ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Bình Dương từ 01/4/2024 đến 15/4/2024 với hai nhóm đối tượng khảo sát đó là: (1) giảng viên (GgV) ngành

Ngôn ngữ Anh và CBQL; (2) SV đang theo học ngành Ngôn ngữ Anh. Tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc và phương pháp chuyên gia để thu thập ý kiến xây dựng bộ câu hỏi khảo sát; Sử dụng phần mềm SPSS 25.0 để xử lý và phân tích dữ liệu sau khi khảo sát. Thang đo được xây dựng dựa trên Thông tư số 04/2016/TT-Bộ GD-ĐT ngày 14/3/2016, nghiên cứu của Trần Anh Vũ (2017) và hiệu chỉnh theo ý kiến của các chuyên gia.

- *Thống kê mẫu nghiên cứu là CBQL, GgV*: Việc điều tra thu thập số liệu được phát cho GgV, CBQL ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Bình Dương. Tổng số bảng câu hỏi được phát ra để thu thập ý kiến là 31 người. Trong đó số phiếu đạt yêu cầu là 31 phiếu. Vì vậy, kích thước mẫu cuối cùng dùng để xử lý là $n=31$. Đặc điểm GgV, CBQL được khảo sát theo giới tính, chức vụ, trình độ chuyên môn cụ thể như sau: (1) Về giới tính: GgV, CBQL là nam giới chiếm 38.7% và GgV, CBQL có giới tính nữ chiếm 61.28%; (2) Về chức vụ: Trong số GgV, CBQL được phát phiếu, Ban Giám hiệu, Phó trưởng bộ môn; Lãnh đạo Trung tâm/Viện trực thuộc Trường Đại học Bình Dương; Phó trưởng phòng chiếm tỉ lệ 6.45%. Tỉ lệ người tham gia khảo sát cao nhất là GgV chiếm 29% và Trưởng khoa/bộ môn chiếm 12.9%; (3) Về trình độ chuyên môn: Trình độ chuyên môn của GgV, CBQL tham gia khảo sát 100%.

- *Thống kê mẫu nghiên cứu là SV*: Tổng số bảng câu hỏi được phát ra để thu thập ý kiến là 234 SV. Trong đó số phiếu đạt yêu cầu là 200 phiếu, số phiếu sai hỏng không đảm bảo yêu cầu là 34 phiếu. Vì vậy, kích thước mẫu cuối cùng dùng để xử lý $n=200$. Đặc điểm đối tượng SV được khảo sát theo giới tính và năm học cụ thể như sau: (1) Về giới tính, SV là nam giới chiếm 46% và SV có giới tính nữ chiếm 54%; (2) Về năm học: SV năm thứ 4 chiếm tỉ lệ cao nhất 37% và SV năm thứ 2 chiếm 34%, SV năm 3 chiếm 29%.

2.3.2. Kết quả khảo sát

- *Phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha*: Để kiểm tra độ tin cậy thang đo biến đã được thiết kế và khảo sát, tác giả sử dụng hệ số Cronbach's Alpha. Tác giả đã phân tích độ tin cậy thang đo cho các biến độc lập và phụ thuộc đã được giả thiết, kết quả như sau:

Bảng 1. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha

Thành phần	Số biến	Trương quan nhỏ nhất với biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha	Số lần kiểm định
Chính sách của Nhà trường (CS)	6	0.750 (CS4)	0.835	1
Yêu cầu của ĐBCL bên trong (YC)	13	0.558 (YC5)	0.849	1
Đánh giá ngoài (DG)	10	0.702 (DG5)	0.842	1
Kết quả kiểm định (KQ)	14	0.565 (KQ3)	0.848	1
Hệ thống ĐBCL (HTCL)	3	0.480 (HTCL2)	0.673	1

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát của tác giả)

- *Kết quả phân tích nhân tố khám phá*:

+ *Kiểm định tính thích hợp của EFA*: Kiểm định Bartlett's có Sig = 0.000 nhỏ hơn mức 0.05 đạt độ tin cậy với mức ý nghĩa cho phép, cho thấy điều kiện cần để áp dụng phân tích nhân tố là các biến phải có tương quan với nhau đạt yêu cầu. Chỉ số KMO = 0.847 > 0,5 cho thấy điều kiện đủ để phân tích nhân tố là thích hợp.

+ *Kết quả ma trận xoay nhân tố*: Phương pháp được chọn ở đây là phương pháp xoay nhân tố Promax procedure. Sau khi xoay ta cũng sẽ loại bỏ các quan sát có hệ số tải nhân tố < 0,5 khỏi mô hình. Các quan sát có hệ số tải nhân tố > 0,5 được sử dụng để giải thích cho nhân tố và sắp xếp thành các nhóm chính.

Bảng 2. Ma trận xoay varimax

Biến quan sát	Các yếu tố			
	1	2	3	4
KQ12	.878			
KQ9	.873			
KQ11	.861			
KQ8	.837			
KQ6	.822			
KQ10	.795			
KQ7	.758			
KQ5	.721			
KQ4	.721			
KQ13	.702			
KQ2	.694			
KQ14	.678			
KQ1	.618			
KQ3	.607			

Biến quan sát	Các yếu tố		
YC5		.923	
YC4		.902	
YC3		.843	
YC10		.842	
YC13		.840	
YC7		.832	
YC11		.807	
YC9		.799	
YC1		.735	
YC2		.724	
YC6		.721	
YC12		.694	
YC8		.573	
DG4			.906
DG6			.897
DG7			.855
DG8			.851
DG10			.837
DG1			.830
DG9			.827
DG3			.765
DG5			.764
DG2			.761
CS1			.897
CS5			.893
CS6			.870
CS3			.860
CS2			.859
CS4			.827

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả)

Từ kết quả xử phân tích nhân tố khám phá khẳng định lại hệ thống ĐBCL ngành Ngôn ngữ Anh ảnh hưởng bởi 4 yếu tố đó là: *Chính sách của nhà trường, yêu cầu của ĐBCL bên trong, đánh giá ngoài, kết quả kiểm định.*

2.4. Đánh giá ảnh hưởng của kiểm định chất lượng giáo dục đến hệ thống đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Bình Dương

- *Đánh giá của giảng viên:* Kết quả kiểm định được đánh giá có tác động mạnh nhất đến hệ thống ĐBCL chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Vai trò quan trọng của GgV trong gắn kết giảng dạy với mục tiêu đào tạo được chú trọng và nhấn mạnh khi GgV chủ động xây dựng đề cương chi tiết dựa trên chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, cơ sở vật chất và công nghệ hỗ trợ giảng dạy chưa đáp ứng yêu cầu dạy và học, cần được chú trọng hơn. Về yêu cầu của ĐBCL bên trong, các hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp và tổ chức tự đánh giá đóng góp của Nhà trường cho xã hội được đánh giá cao. Tuy nhiên, cần cải thiện công tác theo dõi tiến bộ của SV và đẩy mạnh các chương trình tập huấn nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ GgV cũng như truyền thông hiệu quả về ĐBCL. Bên cạnh đó, Chính sách của Nhà trường được đánh giá có tác động thấp nhất. Mặc dù Nhà trường đã hỗ trợ tốt về mặt định hướng, tuy nhiên việc xây dựng văn hóa chất lượng trong mọi hoạt động cần được củng cố thêm. Để duy trì chất lượng, cần kết hợp các chính sách ĐBCL với việc tổ chức đánh giá ngoài định kì, đảm bảo khách quan và phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trong bối cảnh hội nhập giáo dục.

- *Đánh giá của sinh viên:* (1) *Ảnh hưởng của KĐCL giáo dục đến công tác tuyển sinh:* Phần lớn SV đánh giá cao ảnh hưởng của KĐCL giáo dục đến công tác tuyển sinh qua tiêu chí “Chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai và cập nhật”, “Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá”. Tuyển sinh tốt là chỉ số quan trọng cho sự phát triển bền vững của trường, do vậy việc thực hiện KĐCL giáo dục sẽ tác động tích cực đến hiệu quả tuyển sinh; (2) *Ảnh hưởng của KĐCL giáo dục đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá:* GgV cần xây dựng kế hoạch giảng dạy và kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để đạt hiệu quả cao. Việc điều chỉnh cấu trúc và nội dung giảng dạy có vai trò quan trọng, đảm bảo phù hợp với mục tiêu giảng dạy và đáp ứng yêu cầu của SV; (3) *Ảnh hưởng của KĐCL giáo dục đến cố vấn học tập và hoạt động*

ngoại khóa: SV đánh giá cao sự hỗ trợ từ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm và các hoạt động ngoại khóa. Điều này cho thấy sự quan tâm và hỗ trợ tích cực từ phía GgV và các bộ phận chức năng trong quá trình học tập của SV; (4) *Ảnh hưởng của KĐCL giáo dục đến cơ sở vật chất và trang thiết bị*: KĐCL giáo dục đã cải thiện chất lượng thư viện, tuy nhiên cơ sở vật chất chưa hoàn toàn đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV, đặc biệt là về phòng học, phòng thí nghiệm và mạng Wifi; (5) *Ảnh hưởng của KĐCL giáo dục đến ý thức, thái độ của người học*: KĐCL giáo dục giúp SV tự chủ, tự học lên kế hoạch học tập. SV đánh giá cao việc có cơ hội đóng góp ý kiến về chương trình đào tạo và các vấn đề liên quan đến tầm nhìn, sứ mạng của trường.

3. Kết luận

Hệ thống ĐBCL chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Bình Dương bao gồm các yếu tố chính như: chính sách của nhà trường, yêu cầu ĐBCL nội bộ, đánh giá ngoài và kết quả kiểm định, được xây dựng dựa trên khung lý thuyết AUN-QA và các quy định của Bộ GD-ĐT. Kết quả nghiên cứu cho thấy, KĐCL giáo dục đã tạo ra nhiều cải tiến rõ rệt, đặc biệt qua kết quả đánh giá của SV với các nội dung như công tác tuyển sinh, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ SV. Để tiếp tục nâng cao ĐBCL chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, Nhà trường cần tập trung vào việc nâng cao năng lực đội ngũ GgV và CBQL, hoàn thiện chính sách ĐBCL, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường vai trò cố vấn học tập và phát triển các hoạt động ngoại khóa, cũng như xây dựng văn hóa chất lượng.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2012). *Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 ban hành quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục*.
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học*.
- Cục Quản lý Chất lượng - Bộ GD-ĐT (2018). *Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học*.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức.
- Lê Lâm, Trần Thị Thu Hương, Lê Thái Hưng (2023). Quản trị chất lượng giáo dục đại học: xu hướng, thực trạng và khuyến nghị. *Tạp chí Giáo dục*, 23(23), 30-35.
- Nguyễn Hữu Cương (2017). Một số kết quả đạt được của kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam và kế hoạch triển khai trong tương lai. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, 8(9), 7-14.
- Nguyễn Hữu Cương, Phạm Thị Tuyết Nhung, Tạ Thị Thu Hiền, Phạm Thị Hương (2021). Nghiên cứu về các công cụ bảo đảm chất lượng bên trong ở một số trường đại học trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 493, 13-17.
- Nguyễn Quang Vinh (2020). Thực trạng và xu hướng kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh*, 46(04), 249-260.
- Nguyễn Thị Khánh Trinh (2018). Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 01, 107-110.
- Phạm Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Lê Huy Tùng (2022). Kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại Hoa Kỳ và một số đề xuất. *Tạp chí Giáo dục*, 20(10), 54-58.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.
- Trần Anh Vũ (2017). *Đánh giá hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong ở một số trường đại học công lập Việt Nam dựa theo tiêu chí đánh giá chất lượng của AUN-QA*. Luận án tiến sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Nam Trung (2020). *Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học - cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Công thương. <https://tapchicongthuong.vn/nang-cao-chat-luong-dao-tao-cua-cac-truong-dai-hoc-cao-dang-tren-dia-ban-thanh-pho-ho-chi-minh-71946.htm>
- Vũ Thị Ngọc Bích (2024). *Thực trạng quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục đại học*. Tạp chí Quản lý Nhà nước. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/10/29/thuc-trang-quan-ly-nha-nuoc-ve-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc-dai-hoc/>
- Wilger, A. (1997). *Quality assurance in higher education: A literature review*. Stanford University, Stanford, CA.